

Bản án số: 14/2023/DSST

Ngày: 07/7/2023

V/v Tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Như Nghi và ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2020/TLST- DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Lê Ngọc N** - sinh năm 1956; Địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

* *Bị đơn:* ông **Lê Văn N1** – sinh năm 1955; Địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Lê Văn H** – sinh năm 1946; Địa chỉ: thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Lê Văn B** – sinh năm 1965; Địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà **Lê Thị Kim C** – sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn P, xã N, thành phố H, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh **Lê Xuân T** – sinh năm 1979; Địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, các tài liệu là chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Ngọc N trình bày:*

Cha ông là Lê C – sinh năm 1925, có vợ là Nguyễn Thị T – sinh năm 1930 có

04 người con là Lê Văn H – sinh năm 1946; Lê Văn N1 – sinh năm 1954; Lê Ngọc N – sinh năm 1956 và Lê Văn B – sinh năm 1965. Từ năm 1966, ông N1, ông và em Lê Văn B sống cùng mẹ tại Tuy Hòa. Cha ông và anh Lê Văn H vẫn còn tham gia cách mạng trên núi. Năm 1969, cha ông về thành phố H nhưng không sống cùng mẹ ông mà sống cùng anh Lê Văn N1, còn anh Lê Văn H có gia đình sống riêng. Năm 1973 thì cha ông cưới mẹ kế là Lê Thị C1 (không có con chung), mẹ kế có 01 con riêng tên Lê Thị Kim C – sinh năm 1970. Năm 1975, cha ông, mẹ kế và anh Lê Văn N1 về quê nội ở thôn N, xã Đ. Mẹ ông và ông cùng em Lê Văn B cũng về xã Đ nhưng không sống chung với cha ông.

Khi về sống tại xã Đ, cha ông có xin ở nhờ tại đất của anh Lê Thanh Y. Anh Y đồng ý. Đến năm 1995, cha ông được Nhà nước chứng nhận quyền sử dụng đất theo nghị định 64/NĐ-CP cho cá nhân là cụ Lê C.

Năm 2005, cha ông có lập di chúc lại cho ông diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G692591, tờ bản đồ số 15, số thửa 312 được Ủy ban nhân dân huyện A, cấp ngày 25/7/1995.

Năm 2017, cha ông chết, ông được biết có 01 tờ di chúc nữa do cha ông lập cho anh Lê Văn N1 vào năm 2016.

Nay ông yêu cầu Tòa án tuyên hủy 02 di chúc và chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Ông chỉ yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ Lê C là các diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 789317 cấp ngày 07/9/2010, thửa 796, tờ bản đồ số 13, diện tích 255m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 789318 cấp ngày 07/9/2010 thửa số 752, tờ bản đồ 14, diện tích 752m². Ngoài ra ông không yêu cầu chia di sản nào khác.

Đối với diện tích đất tại thửa 312, tờ bản đồ số 15, diện tích 200m² đất ở và 55m² đất BHK, đo đạc thực tế là 432m², ông có nguyện vọng nhận diện tích đất trống phía đông nhà anh Tín đang sử dụng có cạnh (5,3m x 14,32m). Đối với diện tích đất tại thửa 752, tờ bản đồ số 14, diện tích 752m² (đo đạc thực tế 768,7m²) ông có nguyện vọng nhận diện tích đất nằm ở phía bắc, một mặt giáp nương nước.

Theo các tài liệu là chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn N1 trình bày như sau:

Ông thống nhất với trình bày của ông Lê Ngọc N về nguồn gốc diện tích đất mà cha ông là Lê C sử dụng. Ông cũng thống nhất trình bày của ông N về huyết thống gia đình và di sản mà cụ Lê C để lại. Năm 1973, khi cha ông và mẹ kế Lê Thị C1 về thôn N, ông cùng sống chung với cha và mẹ kế sau đó ông lập gia đình sống riêng. Khi được nhà nước công nhận và cân đối đất theo Nghị định 64/NĐ-CP, mẹ kế Lê Thị C1 cũng được công nhận đất ở và được giao đất nông nghiệp chung hộ với cụ Lê C. Năm 2016, cha ông là cụ Lê C lập di chúc cho ông diện tích đất gồm 02 thửa:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 789317 cấp ngày 07/9/2010, thửa 796, tờ bản đồ số 13, diện tích 255m².

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 789318 cấp ngày 07/9/2010 thửa số 752, tờ bản đồ 14, diện tích 752m².

Ông nghĩ rằng cụ C và cụ C1 là vợ chồng, nên cụ C được quyết định phần tài sản của cụ C1. Trên thửa 796, tờ bản đồ số 13 có ngôi nhà cũ của cụ Lê C, ông có công sức đóng góp xây dựng và 01 ngôi nhà của con trai ông là anh Lê Xuân T xây dựng, vì ông nghĩ cha ông để lại di chúc cho ông nên ông cho con trai xây dựng nhà. Đề nghị Tòa án công nhận di chúc của cụ Lê C lập ngày 16/11/2016 có giá trị pháp lý và công nhận các diện tích đất nói trên thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Ông. Ngoài ra ông không yêu cầu chia địa sản nào khác.

**** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt:***

- Ông Lê Văn H, ông Lê Văn B, đều thống nhất trình bày: Các ông không tranh chấp gì khối tài sản do cụ Lê C để lại và không yêu cầu gì đối với khối tài sản này. Nếu tài sản chia di sản thừa kế này theo di chúc thì di sản thuộc về người nào thì người đó hưởng, nếu chia theo pháp luật thì các ông từ chối nhận kỷ phần thừa kế, Tòa án chia cho các thừa kế khác.

- Bà Lê Thị Kim C trình bày: bà không tranh chấp gì khối tài sản do cụ Lê C để lại và không yêu cầu gì đối với khối tài sản này. Nếu tài sản chia di sản thừa kế này theo di chúc thì di sản thuộc về người nào thì người đó hưởng, nếu chia theo pháp luật thì bà từ chối nhận kỷ phần thừa kế, Tòa án chia cho các thừa kế khác. Đối với di sản mà mẹ bà là Lê Thị C1 để lại, bà C trình bày như sau: mẹ bà sống cùng cha dượng (cụ C), được công nhận đất ở và được cân đối đất theo Nghị định 64/NĐ-CP. Khoảng năm 2000 mẹ bà bệnh, bà đưa vào thành phố Tuy Hòa điều trị và sống với bà. Mẹ bà chết năm 2002 (bà không nhớ rõ ngày, tháng). Bà là người làm thủ tục chứng tử cho mẹ, bà thờ, cúng mẹ tại nhà bà ở thôn P, xã N, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Mẹ bà được hưởng 1 nửa tài sản chung với cha dượng (cụ C). Mẹ bà chết không để lại di chúc. Bà là con đẻ của cụ C1, mẹ bà không còn người con nào khác. Bà được hưởng di sản của mẹ bà để lại. Tuy nhiên, đợt tết âm lịch năm 2023, bà về quê cha dượng, đến nhà cha dượng tại thôn N, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên (hiện nay ông N1 đang quản lý), thấy di ảnh mẹ bà bên cạnh cha dượng, bản thân bà tự nghĩ, ông N1 cũng tôn trọng mẹ bà nên bà tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế của bà do mẹ Lê Thị C1 để lại cho ông N1 để ông N1 có điều kiện thờ cúng cha dượng là cụ Lê C. Ông N1 thực hiện quyền và nghĩa vụ của người thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Anh Lê Xuân T trình bày: Anh xây nhà trên đất của cha anh là ông N1 cho (cha anh có di chúc của ông nội để lại). Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án công nhận di chúc do cụ Lê C (ông nội anh) lập cho cha anh. Anh không đồng ý việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông N. Đối với ngôi nhà đang xây dựng trên đất, đề nghị giữ lại ngôi nhà và đất cho anh tiếp tục sử dụng.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn xét xử vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 609, Điều 623; Điều 624, Điều 627, Điều 628, Điều 630; Điều 631; Điều 635 ; Điều 636; Điều 643; Điều 649; Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hủy 1 phần di chúc của cụ Lê C lập ngày 16/11/2016 vì trong khối di sản có phần di sản của cụ Lê Thị C1 chia phần di sản của cụ Lê Thị C1 theo quy định của pháp luật. Công nhận 1 phần di chúc do cụ Lê C lập ngày 16/11/2016 cho ông Lê Văn N1. Ghi nhận việc tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế của bà Lê Thị Kim C cho ông Lê Văn N1. Ông N1 được quyền sử dụng diện tích đất tại thửa 796, tờ bản đồ số 13, diện tích 255m² (đo đạc thực tế 432m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 789317 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy An cấp ngày 07/9/2010 và thửa số 752, tờ bản đồ 14, diện tích 752m² (đo đạc thực tế 768,7m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 789318 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy An cấp ngày 07/9/2010. Ông N1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục hành chính về đất đai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Lê Ngọc N khởi kiện ông Lê Văn N1 về tranh chấp thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất. Diện tích đất đang tranh chấp tại thôn N, xã Đ, huyện A. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp di sản thừa kế và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ: Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, căn cứ điều 227, Điều 228, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy các bản di chúc nên là tranh chấp di sản thừa kế theo Điều 612, Điều 624 và Điều 649 của Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu của các đương sự, thấy rằng:

[1] Về quan hệ huyết thống: Các đương sự đều thống nhất cụ Lê C có vợ là cụ Nguyễn Thị T (chết năm 2011) có 04 người con Lê Văn H, Lê Văn N1, Lê Ngọc N và Lê Văn B, ngoài ra không còn người con nào khác. Năm 1973 cụ Lê C sống chung với cụ Lê Thị C1 (chết năm 2002) không có con chung, cụ C1 có 01 con riêng là Lê Thị Kim C, ngoài bà C ra không còn người con nào khác.

[2] Về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế và người thừa kế theo pháp luật: Cụ Lê C chết năm 2017, cụ Lê Thị C1 chết năm 2002 nên còn thời hiệu khởi kiện chia

thừa kế theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự. Người thừa kế theo pháp luật của cụ Lê C là cụ Nguyễn Thị T (chết), cụ Lê Thị C1 (chết), ông Lê Văn H, ông Lê Văn N1, ông Lê Ngọc N, ông Lê Văn B. Người thừa kế theo pháp luật của cụ Lê Thị C1 là cụ Lê C và bà Lê Thị Kim C.

[3] Về di sản thừa kế: Cụ Lê C và cụ Lê Thị C1 được công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tại thửa 796, tờ bản đồ số 13, diện tích 255m² (đo đạc thực tế 432m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 789317 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy An cấp ngày 07/9/2010 và được cân đối đất theo Nghị định 64/NĐ-CP diện tích đất tại thửa số 752, tờ bản đồ 14, diện tích 752m² (đo đạc thực tế 768,7m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 789318 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy An cấp ngày 07/9/2010.

[4] Về tính hợp pháp của các di chúc: Ông N yêu cầu hủy 02 bản di chúc: Tờ di chúc phân định đất – nhà ở cho con, do cụ Lê C – sinh năm 1925; Địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên lập ngày 25/8/2005, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A chứng ngày 12/9/2005 và Tờ di chúc, do cụ Lê C – sinh ngày 10/10/1925; Địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên lập ngày 16/11/2016, được Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A chứng thực ngày 16/11/2016. Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Điều 643 của Bộ luật dân sự: Cụ C lập 02 bản di chúc thì di chúc ngày 16/11/2016 có hiệu lực. Xét tính hợp pháp của di chúc ngày 16/11/2016: về hình thức: không trái với quy định của pháp luật. Về nội dung di chúc: tại biên bản xác minh ngày 13/4/2023 của Ủy ban nhân dân xã An Định cung cấp: Việc sửa xóa trong bản di chúc Tờ di chúc, do cụ Lê C – sinh ngày 10/10/1925; Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên lập ngày 16/11/2016, Ủy ban nhân dân xã An Định đối chiếu với Giấy chận quyền sử dụng đất là trùng khớp trong quyền sử dụng đất BB 789318 được ủy ban nhân dân huyện Tuy An cấp ngày 07/9/2010 nên chứng thực có việc sửa xóa. Như vậy, tuy có việc sửa xóa nhưng đây là sai sót về kỹ thuật không ảnh hưởng đến toàn bộ nội dung di chúc.

[5] Về Chia thừa kế: Di sản thừa kế cụ Lê C để lại di chúc cho ông Lê Văn N1 là hợp pháp. Tuy nhiên thời điểm được Nhà nước công nhận và cân đối đất theo nghị định 64/NĐ-CP, hộ cụ Lê C có 02 nhân khẩu là cụ Lê C và cụ Lê Thị C1. Khối di sản của cụ C, cụ C1 tạo lập được chia đều cho cụ C, cụ C1. Cụ C1 chết năm 2002, không để lại di chúc, vì vậy di sản của cụ C1 được chia theo pháp luật cho người thừa kế là cụ Lê C và bà Lê Thị Kim C. Cụ C lập di chúc chia luôn phần di sản của cụ C1 là không đúng quy định pháp luật vì vậy cần hủy 01 phần di chúc của cụ Lê C, chia phần di sản của cụ Lê Thị C1 theo pháp luật. Cụ C và bà C, mỗi người được hưởng 1/2 di sản do cụ C1 để lại. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C tại biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2023, về việc nhường kỷ phần thừa kế của bà do mẹ Lê Thị C1 để lại cho ông N1 để ông N1 có điều kiện thờ cúng cha dượng là cụ Lê C. Ông N1 thực hiện quyền và nghĩa vụ của người thừa kế theo quy định của pháp luật. Tại

phiên tòa ông N1 cũng đồng ý nhận kỷ phần do bà C để lại nên ghi nhận. Như vậy di sản thừa kế của cụ C1 được chia theo pháp luật cho ông N1 thừa kế.

[6] Về Giá trị đất và tài sản trên đất: Theo biên bản định giá ngày 13/4/2023, của Tòa án nhân dân huyện Tuy An:

- Trên thửa 796, tờ bản đồ số 13, diện tích 255m² (đo đạc thực tế 432m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 789317 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy An cấp ngày 07/9/2010:

+ Đất: 200m² đất ở và 232m² đất BHK: thành tiền: 138.560.000đ.

+ 01 ngôi nhà mái ngói, tường xây gạch, nền xi măng, có chái trước mái tole, chái hông mái tole của ông Lê C xây dựng năm 2009, giá trị còn lại thành tiền: 36.949.920đ.

+ 01 ngôi nhà 01 tầng, móng đá các loại, tường gạch, mái tole, nền lát gạch, có chái dưới, chái sau xây dựng năm 2020 của anh Lê Xuân T, giá trị còn lại thành tiền: 298.843.000đ.

+ 01 giếng nước, bọng đất thành tiền: 4.445.000đ.

+ Hàng rào lưới b40 thành tiền 3.098.000đ

+ Hàng rào bê tông thành tiền 3.825.000đ.

- Thửa số 752, tờ bản đồ 14, diện tích 752m² (đo đạc thực tế 768,7m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 789318 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy An cấp ngày 07/9/2010, đất LUC: thành tiền 30.748.000đ.

- Đối với các vật dụng chung diện trong nhà theo di chúc ngày 16/11/2016: các đương sự không yêu cầu định giá nên không xét.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy 01 phần di chúc lập ngày 16/11/2016 của cụ Lê C đối với phần di sản của cụ Lê Thị C1, chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị C1 theo pháp luật. Công nhận 01 phần di chúc của cụ Lê C cho ông Lê Văn N1. Chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị C1 theo pháp luật cho ông Lê Văn N1, ghi nhận sự tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế của bà Lê Thị Kim C cho ông N1 ông Lê Văn N1 được sử dụng các diện tích đất tại thửa thửa 796, tờ bản đồ số 13, diện tích 255m² (đo đạc thực tế 432m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 789317 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy An cấp ngày 07/9/2010 và các vật dụng chung diện trong nhà và thửa số 752, tờ bản đồ 14, diện tích 752m² (đo đạc thực tế 768,7m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 789318 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy An cấp ngày 07/9/2010.

Về chi phí tố tụng: Vì ông N1 được chia toàn bộ di sản thừa kế nên ông N1 phải chịu chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định, định giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Nguyên đơn đã tạm ứng nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, Điều 623, Điều 624, Điều 627, Điều 628, Điều 630; Điều 631; Điều 635 ; Điều 636; Điều 643, Điều 649; Điều 650 và Điều 651; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ngọc N: hủy 01 phần di chúc của cụ Lê C lập ngày 16/11/2016 của cụ Lê C đối với phần di sản của cụ Lê Thị C1, chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị C1 theo pháp luật. Công nhận 01 phần di chúc của cụ Lê C cho ông Lê Văn N1. Chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị C1 cho ông Lê Văn N1, ghi nhận sự tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế của bà Lê Thị Kim C cho ông N1 ông Lê Văn N1 được sử dụng các diện tích đất tại thửa thửa 796, tờ bản đồ số 13, diện tích 255m² (đo đạc thực tế 432m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 789317 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy An cấp ngày 07/9/2010 và các vật dụng chung diện trong nhà và thửa số 752, tờ bản đồ 14, diện tích 752m² (đo đạc thực tế 768,7m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 789318 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy An cấp ngày 07/9/2010 (có bản vẽ kèm theo).

Ông N1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục hành chính về đất đai.

Về Giá trị đất và tài sản trên đất:

- Ông N1 tiếp tục sở hữu 01 ngôi nhà mái ngói, tường xây gạch, nền xi măng, có chái trước mái tole, chái hông mái tole của cụ Lê C xây dựng năm 2009; 01 giếng nước bọng đất; Hàng rào lưới b40.

- Anh T tiếp tục sở hữu 01 ngôi nhà 01 tầng, móng đá các loại, tường gạch, mái tole, nền lát gạch, có chái dưới, chái sau xây dựng năm 2020 và hàng rào bê tông.

Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn N1 phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định và định giá tài sản. Nguyên đơn đã tạm ứng nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Về án phí: Hoàn lại cho ông Lê Ngọc N 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền ký hiệu AA/2019 số 0004302, ngày 12/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An. Bị đơn ông Lê Văn N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ; Án Văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương